

TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN TÀI CHÍNH ĐẾN QUY MÔ NỀN KINH TẾ NGẦM TẠI CÁC QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

Ths. Nguyễn Vũ Duy* - TS. Nguyễn Thế Bính** - TS. Trần Thị Kim Oanh*

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng từ 47 quốc gia trên thế giới trong giai đoạn 2010-2022 để khám phá tác động của phát triển tài chính đến quy mô kinh tế. Phát triển tài chính được phân tích qua bốn khía cạnh chính: chiều sâu, khả năng tiếp cận, hiệu quả và ổn định, nhằm làm rõ cách mỗi yếu tố ảnh hưởng đến quy mô kinh tế ngầm. Kết quả từ phương pháp ước lượng PCSE cho thấy: Khi đo lường phát triển tài chính qua chiều sâu (DEPTH) bằng tỷ lệ cung tiền M2 trên GDP (M2/GDP), khả năng tiếp cận (ACCESS) bằng số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại, và hiệu quả (EFF) bằng tỷ lệ tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân (% GDP), các yếu tố này đều có tác động giảm rõ rệt đến quy mô kinh tế ngầm (được xác định qua biến DGE và MIMIC) tại các quốc gia khảo sát. Tuy nhiên, khi xem xét khía cạnh ổn định tài chính (ST) qua tỷ lệ nợ xấu trên tổng tín dụng, kết quả hồi quy cho thấy yếu tố này không tạo ra ảnh hưởng đáng kể về mặt thống kê đến quy mô kinh tế ngầm (đo bằng DGE và MIMIC).

• Từ khóa: phát triển tài chính, kinh tế ngầm, PCSE.

The study uses panel data for 47 countries in the world from 2010 to 2022 to examine the impact of financial development on the size of the economy by disaggregating financial development into four corresponding aspects: depth, access, efficiency and stability to see how the aspects affect the size of the underground economy. The results of estimating models using the PCSE estimation method show that: When the financial development variable is measured by: The depth of financial development (DEPTH) is measured through the ratio of money supply M2 to GDP (M2/GDP); financial access is measured through the number of commercial bank branches (ACCESS); financial efficiency through the domestic credit ratio index for the private sector (% GDP) (EFF) will have a negative impact on the size of the underground economy (variables DGE and MIMIC) in countries around the world. However, when the financial development variable is measured by financial stability through the ratio of bad debt to total credit in the economy (ST), the regression model results show that financial stability (ST) does not have a statistically significant impact on the size of the underground economy (measured through the DGE and MIMIC coefficients) in countries around the world.

• Key words: financial development, underground economy, PCSE.

Ngày gửi bài: 11/12/2024

Ngày gửi phản biện: 12/12/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 30/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i286.02>

1. Giới thiệu nghiên cứu

Nền kinh tế ngầm (SE) từ lâu đã được xem là một thách thức lớn đối với chính phủ tại nhiều quốc gia, đặc biệt ở các nước đang phát triển (Schneider và Enste, 2000). Bằng cách tạo điều kiện cho cá nhân và doanh nghiệp “hoạt động trong bóng tối”, nền kinh tế ngầm không chỉ làm suy giảm sức mạnh của các thể chế chính thức mà còn hạn chế khả năng của chính phủ trong việc thu thập nguồn ngân sách cần thiết để cung cấp các hàng hóa công cộng (Schneider và Enste, 2000; Gërzhani, 2004). Việc hiểu rõ các yếu tố chi phối hoạt động ngầm sẽ hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách thiết kế những chiến lược hiệu quả nhằm hạn chế các hoạt động bất hợp pháp, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững.

Về mặt lý thuyết, mối liên hệ giữa phát triển tài chính (FD) và nền kinh tế ngầm bắt nguồn từ nghiên cứu mang tính nền tảng của Becker (1968) về kinh tế học tội phạm. Becker cho rằng các cá nhân hành động lý trí khi so sánh lợi ích từ các hoạt động bất hợp pháp với chi phí bị phát hiện và trừng phạt. Nghiên cứu này lập luận rằng hệ thống tài chính, với tư cách là một thể chế quan trọng, ảnh hưởng đến sự cân bằng giữa chi phí và lợi ích của việc tham gia khu vực phi chính thức, từ đó tác động đến mức độ phổ biến của nền kinh tế ngầm (xem Straub, 2005; Dabla-Norris và cộng sự, 2008; Blackburn và cộng sự, 2012; Bose và cộng sự, 2012; Capasso và Jappelli, 2013).

Chẳng hạn, sự phát triển của khu vực tài chính làm tăng chi phí cơ hội của việc hoạt động trong khu vực phi chính thức bằng cách giảm rào cản tiếp cận vốn, khuyến khích các doanh nghiệp chuyển sang khu vực chính thức để thực hiện các khoản đầu tư hiệu quả hơn

* Trường Đại học Tài chính Marketing; email: nv.duy@ufm.edu.vn - kimoanh@ufm.edu.vn

** Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh; email: binhnt@buh.edu.vn

(Capasso và Jappelli, 2013). Ngược lại, một hệ thống tài chính kém phát triển dễ bị những người tham gia kinh tế ngầm lợi dụng (ví dụ để che giấu tiền hoặc đảm bảo các khoản vay), trong khi một khu vực tài chính phát triển có khả năng đổi mới vượt trội, cung cấp các sản phẩm tài chính đa dạng (như quỹ tương hỗ thị trường tiền tệ hay nghĩa vụ nợ được thế chấp), làm tăng chi phí cơ hội của việc hoạt động phi chính thức. Ngoài ra, sự khác biệt giữa các quốc gia có hệ thống tài chính phát triển và kém phát triển ảnh hưởng rõ rệt đến sự hình thành và phát triển của kinh tế ngầm, đòi hỏi phải được làm rõ thông qua phân tích thực nghiệm.

Nghiên cứu này tập trung phân tích tác động của phát triển tài chính đến quy mô nền kinh tế ngầm tại các quốc gia, từ đó đưa ra các giải pháp chính sách liên quan đến thể chế và phát triển tài chính nhằm kiểm soát hiệu quả quy mô của khu vực kinh tế ngầm.

2. Lược khảo các nghiên cứu liên quan

Các nghiên cứu trước đây, cả về lý thuyết lẫn thực nghiệm, thường tập trung vào tác động của chính sách thuế, quy mô kinh tế ngầm và tăng trưởng kinh tế, mà ít chú trọng đến vai trò của phát triển tài chính (FD) đối với quy mô nền kinh tế ngầm. Hơn nữa, phần lớn các nghiên cứu chỉ sử dụng các chỉ số FD đơn giản như nguồn cung tín dụng hoặc cung tiền M2 (Berdiev và Saunoris, 2016), chưa khai thác sâu các khía cạnh đa chiều của phát triển tài chính.

Tổng quan tài liệu cho thấy các kết quả về mối quan hệ giữa FD và kinh tế ngầm (SE) vẫn còn nhiều tranh cãi. Một số nghiên cứu lập luận rằng phát triển tài chính là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (King và Levine, 1993), đồng thời hỗ trợ chuyển giao tiền tệ, cung cấp dịch vụ và vốn cho toàn bộ nền kinh tế, bao gồm cả khu vực ngầm. Theo hướng này, FD có thể vô tình khuyến khích sự mở rộng của kinh tế ngầm. Ngược lại, các nghiên cứu khác cho rằng FD giúp tăng cường giám sát giao dịch để thu thuế (Berdiev và Saunoris, 2016), làm tăng chi phí cơ hội của việc hoạt động phi chính thức, từ đó thúc đẩy các tác nhân kinh tế chuyển sang khu vực chính thức (Capasso và Jappelli, 2013). Do đó, sự phát triển của hệ thống tài chính có thể góp phần thu hẹp quy mô kinh tế ngầm (Onwuka và Ayeni, 2023).

Theo Mezentseva và Horoshevsky (2017), nguyên nhân hình thành kinh tế ngầm rất đa dạng, phụ thuộc vào mức độ phát triển của quan hệ thị trường, tự do kinh tế và tình trạng chung của nền kinh tế. Một yếu tố then chốt là mức độ và hiệu quả điều tiết của chính phủ. Thường thì, sự chuyển dịch sang khu vực phi chính thức xuất phát từ thủ tục hành chính phức tạp và quan liêu trong kinh doanh, hoặc do các doanh nghiệp không muốn hoặc không thể chịu nổi gánh nặng thuế cao. Việc trốn thuế càng dễ dàng hơn khi kiểm soát thuế yếu kém (Korshkova, 2006; Schneider, 2011). Ngoài

ra, khủng hoảng hoặc suy thoái kinh tế cũng là nguyên nhân nghiêm trọng khiến các doanh nhân buộc phải hoạt động không chính thức. Tuy nhiên, sự yếu kém trong quản trị không chỉ bắt nguồn từ hạn chế về tự do thị trường mà còn làm phức tạp hóa quan hệ thị trường, dẫn đến việc một số chủ thể kinh doanh tìm cách tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá (Feld & Schneider, 2010).

Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng mang lại những phát hiện mới, khác biệt so với các nghiên cứu trước bằng cách sử dụng phát triển tài chính như một yếu tố cốt lõi để đánh giá tác động đến kinh tế ngầm, góp phần bổ sung vào nền tảng lý thuyết hiện có. Tác giả hy vọng nghiên cứu sẽ lấp đầy những khoảng trống còn tồn tại, đồng thời cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ giữa phát triển tài chính và quy mô kinh tế ngầm. Qua đó, các nhà hoạch định chính sách, Ngân hàng Trung ương và Ngân hàng Nhà nước có thể tận dụng kết quả để chủ động thu hẹp quy mô kinh tế ngầm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện việc phân tích phát triển tài chính bằng cách chia thành bốn khía cạnh chính: chiều sâu, khả năng tiếp cận, hiệu quả và ổn định, nhằm đánh giá tác động riêng biệt của từng khía cạnh này đến quy mô kinh tế ngầm như sau:

$$SE_{it} = \beta_0 + \beta_1 * DEPTH_{it} + \beta_2 * IQ_{it} + \beta_3 * TR_{it} + \beta_4 * GDPPC_{it} + \beta_5 * INV_{it} + \beta_6 * UMP_{it} + \beta_7 * INF_{it} + \beta_8 * TAX_{it} + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

$$SE_{it} = \beta_0 + \beta_1 * ACCESS_{it} + \beta_2 * IQ_{it} + \beta_3 * TR_{it} + \beta_4 * GDPPC_{it} + \beta_5 * INV_{it} + \beta_6 * UMP_{it} + \beta_7 * INF_{it} + \beta_8 * TAX_{it} + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

$$SE_{it} = \beta_0 + \beta_1 * EFF_{it} + \beta_2 * IQ_{it} + \beta_3 * TR_{it} + \beta_4 * GDPPC_{it} + \beta_5 * INV_{it} + \beta_6 * UMP_{it} + \beta_7 * INF_{it} + \beta_8 * TAX_{it} + \varepsilon_{it} \quad (3)$$

$$SE_{it} = \beta_0 + \beta_1 * ST_{it} + \beta_2 * IQ_{it} + \beta_3 * TR_{it} + \beta_4 * GDPPC_{it} + \beta_5 * INV_{it} + \beta_6 * UMP_{it} + \beta_7 * INF_{it} + \beta_8 * TAX_{it} + \varepsilon_{it} \quad (4)$$

Trong đó, DEPTH là chiều sâu của phát triển tài chính, ACCESS là khả năng tiếp cận tài chính, EFF là hiệu quả tài chính; và ST là ổn định tài chính.

Bảng 1. Hệ thống danh sách các biến trong mô hình

Biến	Đo lường	Dự đoán	Nguồn
SE	Nền kinh tế ngầm (% GDP)		Elgin và cộng sự (2021)
IQ	Chỉ số quản trị thể giới WGI	-	WGI
TR	(Xuất khẩu-Nhập khẩu)/GDP	-	WDIs
INV	Đầu tư nội địa/GDP	-	WDIs
UMP	Tổng thất nghiệp/tổng lao động	+	WDIs
INF	Chỉ số lạm phát	+	WDIs
TAX	Tỷ lệ gánh nặng thuế	-	Heritage foundation
GDPPC	GDP	-	WDIs
DEPTH	Chiều sâu phát triển tài chính: Tỷ trọng cung tiền M2/ GDP	+/-	WDIs
ACCESS	Khả năng tiếp cận tài chính: số lượng máy ATM ATM	+/-	WDIs
EFF	Hiệu quả tài chính: Tín dụng nội địa đối với kinh tế tư nhân (% GDP)	+/-	WDIs
ST	Ổn định tài chính: Tỷ lệ nợ xấu so với tổng tín dụng của nền kinh tế	+/-	WDIs

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả áp dụng phương pháp PCSE, vốn được đề xuất trong các nghiên cứu trước về quy mô kinh tế ngầm (Canh và Thanh, 2020; Canh và cộng sự, 2021), đặc biệt khi dữ liệu nghiên cứu cho thấy sự tồn tại của phụ thuộc chéo. Khi ước lượng sai số chuẩn và phương sai (hiệp phương sai), phương pháp PCSE giả định rằng các sai số không đồng nhất và có tương quan đồng thời giữa các quan sát trong dữ liệu bảng (Beck và Katz, 1995).

Dữ liệu nghiên cứu của đề tài được thu thập từ 47 quốc gia trên thế giới có đầy đủ thông tin liên quan đến quy mô kinh tế ngầm, phát triển tài chính và các yếu tố vĩ mô khác ảnh hưởng đến kinh tế ngầm, bao gồm: Australia, Áo, Bỉ, Bulgaria, Canada, Thụy Sĩ, Chile, Colombia, Costa Rica, Síp, Đức, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Georgia, Hy Lạp, Hungary, Indonesia, Ireland, Iceland, Israel, Ý, Campuchia, Litva, Luxembourg, Latvia, Mexico, Malta, Mông Cổ, Mauritius, Malaysia, Na Uy, New Zealand, Peru, Philippines, Bồ Đào Nha, Paraguay, Romania, Liên bang Nga, Singapore, El Salvador, Thụy Điển, Thái Lan, Ukraine, Uruguay, Hoa Kỳ và Nam Phi. Khoảng thời gian nghiên cứu kéo dài từ năm 2010 đến năm 2022.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Tác động của chiều sâu phát triển tài chính đến nền kinh tế ngầm

Bảng 2. Kiểm định PCSE với mô hình (1)

	DGE	MIMIC
DEPTH	-.035*	-.009
TR	.003	-.002
INV	-.035	-.048
UMP	-.084**	.128*
INF	-.018	-.023
TAX	.075*	.059**
GDPPC	-.000*	-.000*
IQ	-2.626*	-3.131*
_cons	28.305	28.212

Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm Stata 25

Bảng dữ liệu trên phản ánh các yếu tố tác động đến quy mô nền kinh tế ngầm (được đo bằng biến DGE và MIMIC), trong đó phát triển tài chính được đánh giá qua khía cạnh chiều sâu (DEPTH), dựa trên tỷ trọng cung tiền M2 so với GDP (M2/GDP), tại 47 quốc gia trên thế giới. Kết quả từ mô hình hồi quy cho thấy:

Hệ số âm (-0.035) tại mức ý nghĩa thống kê 1% chỉ ra rằng chiều sâu của phát triển tài chính (DEPTH) có tác động tiêu cực đến quy mô kinh tế ngầm khi được đo bằng biến DGE. Điều này ngụ ý rằng khi cung tiền trong nền kinh tế tăng lên, quy mô kinh tế ngầm có xu hướng giảm, cho thấy sự cải thiện trong chiều sâu tài chính góp phần nâng cao tính minh bạch và hạn chế các hoạt động phi chính thức. Tuy nhiên, khi quy mô kinh tế ngầm được đo bằng hệ số MIMIC, kết quả không cho thấy tác động có ý nghĩa thống kê.

4.2. Tác động của khả năng tiếp cận tài chính đến nền kinh tế ngầm

Bảng 3. Kiểm định PCSE với mô hình (2)

	DGE	MIMIC
ACCESS	-.032*	-.043*
TR	.002	-.002
INV	-.022	-.033
UMP	-.088**	.128*
INF	-.004	-.018
TAX	.094*	.067**
GDPPC	-.0000*	-.000*
IQ	-2.738*	-3.120*
_cons	26.161	28.219

Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm Stata 25

Bảng dữ liệu trên thể hiện các yếu tố ảnh hưởng đến quy mô nền kinh tế ngầm (được đo bằng biến DGE và MIMIC), trong đó phát triển tài chính được đánh giá qua khía cạnh khả năng tiếp cận (ACCESS), dựa trên số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại (NHTM) tại các quốc gia trên thế giới. Kết quả từ mô hình hồi quy cho thấy:

Hệ số âm lần lượt là -0.032 và -0.043, đều đạt mức ý nghĩa thống kê 1%, cho thấy khả năng tiếp cận tài chính (ACCESS) có tác động tiêu cực đến quy mô kinh tế ngầm khi được đo bằng cả hai biến DGE và MIMIC. Điều này chỉ ra rằng khi số lượng chi nhánh NHTM tăng, quy mô kinh tế ngầm có xu hướng giảm, phản ánh rằng việc cải thiện khả năng tiếp cận tài chính góp phần nâng cao tính minh bạch và hạn chế các hoạt động phi chính thức.

4.3. Tác động của hiệu quả tài chính đến nền kinh tế ngầm

Bảng 4. Kiểm định PCSE với mô hình (3)

	DGE	MIMIC
EFF	-2.37e-15*	-2.59e-15*
TR	.000	-.003
INV	-.046	-.081
UMP	-.103**	.110**
INF	-.006	-.024
TAX	.076*	.071**
GDPPC	-.000*	-.000*
iq	-2.819*	-3.340*
_cons	26.533	28.022

Nguồn: Kết quả tính toán từ phần mềm Stata 25

Bảng dữ liệu trên phản ánh các yếu tố tác động đến quy mô nền kinh tế ngầm (được đo bằng biến DGE và MIMIC), trong đó phát triển tài chính được đánh giá qua khía cạnh hiệu quả (EFF), dựa trên tỷ lệ tín dụng nội địa dành cho khu vực tư nhân (% GDP) tại các quốc gia trên thế giới. Kết quả từ mô hình hồi quy cho thấy:

Hệ số âm, lần lượt là -0.032 và -0.043, đều đạt mức ý nghĩa thống kê 1%, chỉ ra rằng hiệu quả tài chính (EFF) có tác động tiêu cực đến quy mô kinh tế ngầm khi được đo bằng cả hai biến DGE và MIMIC. Điều này ngụ ý rằng khi tỷ lệ tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân tăng, quy mô kinh tế ngầm giảm, cho thấy sự cải thiện trong hiệu quả tài chính góp phần nâng cao tính

minh bạch và hạn chế các hoạt động phi chính thức.

4.4. Tác động của ổn định tài chính đến nền kinh tế ngầm

Bảng 5. Kiểm định PCSE với mô hình (4)

	DGE	MIMIC
ST	.002	.010
TR	.001	-.002
INV	-.031	-.051
UMP	-.093***	.117**
INF	-.005	-.021
TAX	.088*	.068**
GDPPC	-.000*	-.000*
IQ	-2.758*	-3.189*
_cons	25.665	27.400

Nguồn: kết quả tính toán từ phần mềm Stata 25

Bảng dữ liệu trên thể hiện các yếu tố ảnh hưởng đến quy mô nền kinh tế ngầm (được đo bằng biến DGE và MIMIC), trong đó phát triển tài chính được đánh giá qua khía cạnh ổn định (ST), dựa trên tỷ trọng nợ xấu so với tổng tín dụng của nền kinh tế tại các quốc gia trên thế giới. Kết quả từ mô hình hồi quy cho thấy ổn định tài chính (ST) không có tác động đáng kể về mặt thống kê đến quy mô kinh tế ngầm khi được đo bằng cả hai hệ số DGE và MIMIC. Điều này chỉ ra rằng sự thay đổi trong tỷ trọng nợ xấu so với tổng tín dụng không ảnh hưởng rõ rệt đến quy mô kinh tế ngầm.

Ngoài ra, tương tự như các mô hình nghiên cứu trước, bảng dữ liệu còn cho thấy một số yếu tố khác như tỷ lệ thất nghiệp, chất lượng thể chế và tăng trưởng kinh tế có tác động tiêu cực, đạt mức ý nghĩa thống kê 1%, đến quy mô kinh tế ngầm. Điều này hàm ý rằng các chính sách cải thiện tỷ lệ việc làm, nâng cao chất lượng thể chế và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có thể góp phần thu hẹp quy mô kinh tế ngầm. Ngược lại, gánh nặng thuế lại có tác động tích cực, với mức ý nghĩa thống kê 1%, đến quy mô kinh tế ngầm. Do đó, các chính sách thuế cần được cân nhắc kỹ lưỡng và điều chỉnh ở mức hợp lý, bởi chúng có thể tạo ra những động lực khác nhau, thúc đẩy hoặc kìm hãm các hoạt động kinh tế ngầm.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu từ phương pháp ước lượng PCSE cho thấy:

Các yếu tố như chiều sâu tài chính (DEPTH), đo bằng tỷ trọng cung tiền M2 so với GDP (M2/GDP); khả năng tiếp cận tài chính (ACCESS), đo bằng số lượng chi nhánh ngân hàng thương mại; và hiệu quả tài chính (EFF), đo bằng tỷ lệ tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân (% GDP), đều có tác động tiêu cực đến quy mô kinh tế ngầm (được đo bằng biến DGE và MIMIC) tại các quốc gia nghiên cứu. Ngược lại, khi phát triển tài chính được đánh giá qua khía cạnh ổn định (ST), dựa trên tỷ trọng nợ xấu so với tổng tín dụng, kết quả hồi quy cho thấy không có tác động đáng kể về mặt thống kê đến quy mô kinh tế ngầm (đo bằng DGE và

MIMIC). Điều này chỉ ra rằng sự thay đổi trong tỷ trọng nợ xấu không ảnh hưởng rõ rệt đến quy mô kinh tế ngầm.

Nghiên cứu hướng đến việc cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách và chính phủ cái nhìn sâu sắc, hỗ trợ xây dựng các giải pháp phát triển thể chế và hệ thống tài chính vững mạnh nhằm kiểm soát các hoạt động kinh tế ngầm. Các biện pháp như cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy dịch vụ tài chính số, nâng cao nhận thức tài chính, thiết lập khung pháp lý minh bạch, phát triển thị trường chứng khoán, tăng cường hợp tác quốc tế, và triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính cho các ngành kinh tế trọng điểm sẽ tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi, khuyến khích người dân tham gia vào nền kinh tế chính thức. Khi được thực hiện đồng bộ và hiệu quả, những giải pháp này sẽ giúp chính phủ kiểm soát tốt hơn quy mô kinh tế ngầm, từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Nghiên cứu đặt mục tiêu hoàn thiện một mô hình đáng tin cậy và phù hợp hơn với thực tiễn trong tương lai. Việc mở rộng phạm vi không gian và thời gian, chẳng hạn bổ sung thêm nhiều quốc gia và dữ liệu vào mô hình, sẽ giúp phân tích mối quan hệ giữa kinh tế ngầm, chất lượng thể chế và phát triển tài chính một cách toàn diện hơn. Ngoài ra, nhóm tác giả đề xuất rằng các nghiên cứu tiếp theo có thể xem xét thêm tác động của các yếu tố như tham nhũng hay sự phát triển công nghệ đến quy mô kinh tế ngầm, nhằm mang lại cái nhìn sâu rộng và đầy đủ hơn về các mối quan hệ kinh tế phức tạp này.

Tài liệu tham khảo:

- Beck, N., & Katz, J. N. (1996). Nuisance vs. substance: Specifying and estimating time-series-cross-section models. *Political analysis*, 6, 1-36.
- Becker, G.S. (1968). Crime and punishment: an economic approach. *J. Polit. Econ.* 76, 169-217.
- Berdiev, A. N., & Saunoris, J. W. (2016). Financial development and the shadow economy: A panel VAR analysis. *Economic Modelling*, 57, 197-207.
- Berdiev, A. N., & Saunoris, J. W. (2016). Financial development and the shadow economy: A panel VAR analysis. *Economic Modelling*, 57, 197-207. doi:10.1016/j.econmod.2016.03.028.
- Blackburn, K., Bose, N., Capasso, S., (2012). Taxevasion, the underground economy and financial development. *J. Econ. Behav. Organ.* 83, 243-253.
- Bose, N., Capasso, S., Wurm, M.A., (2012). The impact of banking development on the size of shadow economies. *J. Econ. Stud.* 39, 620-638.
- Canh, N. P., & Thanh, S. D. (2020). Financial development and the shadow economy: A multi-dimensional analysis. *Economic Analysis and Policy*, 67, 37-54.
- Capasso, S., & Jappelli, T. (2013). Financial development and the underground economy. *Journal of Development Economics*, 101, 167-178.
- Dabla-Norris, E., Gradstein, M., Inchauste, G., (2008). What causes firms to hide output? The determinants of informality. *J. Dev. Econ.* 85, 1-27.
- Elgin, C., & Iyidost, E. (2022). Velocity of money and shadow economy. *Applied Economics Letters*, 29(18), 1741-1745.
- Feld, L. P. and F. Schneider (2010). Survey on the Shadow Economy and Undeclared Earnings in OECD Countries. *German Economic Review* 11 (2), 109-49.
- Gerchani, K., (2004). The informal sector in developed and less developed countries. A literature survey. *Public Choice* 120, pp.267-300.
- King, R. G., & Levine, R. (1993). Finance, entrepreneurship and growth. *Journal of Monetary economics*, 32(3), 513-542.
- Koreshkova, T.A., 2006. A Quantitative Analysis of Inflation as a Tax on the Underground Economy. *Journal of Monetary Economics*, 53:4, pp 773- 796.
- Love, I., Zicchino, L., (2006). Financial development and dynamic investment behavior: evidence from panel VAR. *Q. Rev. Econ. Finance* 46, 190-210.
- Straub, S., (2005). Informal sector: the credit market channel. *J. Dev. Econ.* 78, 299-321.